

SSIAM VNFIN LEAD ETF



THÔNG TIN QUỸ – THÁNG 09/2021

THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

| | |
|----------------------------|--|
| TÊN QUỸ | SSIAM VNFIN LEAD ETF |
| CHỈ SỐ THAM CHIẾU | VNFIN LEAD Index |
| SÀN NIÊM YẾT | Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) |
| BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG | 24/02/2020 |
| QUY MÔ QUỸ | 2.614,06 tỷ Đồng (~112,87 triệu USD) (tại ngày 30/09/2021) |
| TIỀN TỆ | VNĐ |
| CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ | Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM) |
| GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ | 0,65% |
| TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH | 128.900.000 |

CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

| | |
|-------------------|--------|
| SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU | 19 |
| HỆ SỐ P/E | 11,16x |
| HỆ SỐ P/B | 2,06x |

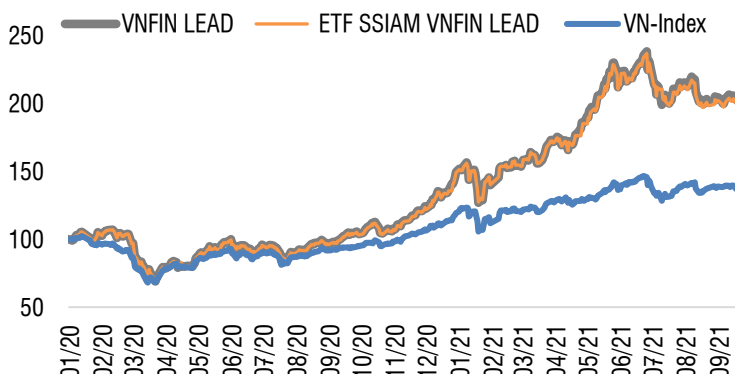
Nguồn: Bloomberg, SSIAM

HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ

| | NAV/CCQ (VNĐ) | Tăng trưởng (%) | | | |
|----------------------|---------------|-----------------|---------|------------|-------------------|
| | | 1 tháng | 3 tháng | Từ đầu năm | Từ ngày thành lập |
| ETF SSIAM VNFIN LEAD | 19.833,50 | -0,17% | -13,03% | 46,27% | 98,34% |
| VNFIN LEAD | | -0,12% | -12,47% | 47,74% | 102,11% |

(* Ngày kết thúc đăng ký góp vốn: 10/01/2020.

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.



MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNFIN LEAD trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNFIN LEAD. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNFIN LEAD hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Với việc đầu tư thụ động, Quỹ có thể duy trì tỷ lệ vòng quay danh mục thấp hơn các quỹ có chiến lược đầu tư chủ động, từ đó giảm chi phí hoạt động cho Quỹ.

CHỈ SỐ THAM CHIẾU – VNFIN LEAD Index

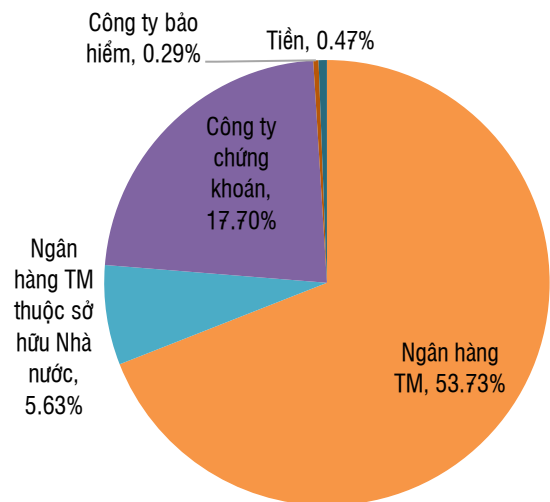
Chỉ số VNFIN LEAD là chỉ số bao gồm tối thiểu 10 cổ phiếu, được lựa chọn từ các cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số ngành tài chính -

VNAIShare Financials index (viết tắt VNFIN) đạt tiêu chí lựa chọn với giới hạn tỷ trọng 15% đối với cổ phiếu đơn lẻ, có giá trị giao dịch tối thiểu 10 tỷ đồng và tỷ suất quay vòng tối thiểu 0,1%.

Chỉ số VNFIN LEAD đại diện cho 29,2% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chỉ số được xem xét điều chỉnh theo khối lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng định kỳ 3 tháng/lần và các cổ phiếu thành phần 6 tháng/lần.

CƠ CẤU DANH MỤC TẠI NGÀY 30/09/2021 (%NAV)

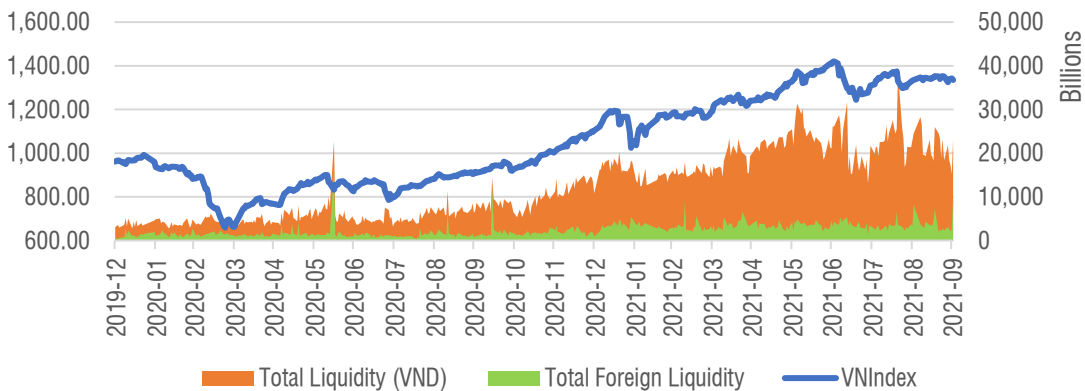


CẬP NHẬT TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam kết thúc Q3 ở mức 1342,06 điểm (tăng 0,8% từ 1331,47 điểm vào cuối tháng 8). Thị trường hầu như đi ngang không có định hướng trong tháng 9. Thanh khoản duy trì sự dồi dào với mức giao dịch trung bình hàng ngày là 21.250 tỷ đồng (~925 triệu đô) với các NĐTNN chiếm khoảng 16% tổng khối lượng giao dịch trong tháng.

Thị trường trong tháng 9 chủ yếu ở trạng thái dè chừng trước các biện pháp nới lỏng giãn cách xã hội và chính phủ cho phép nền kinh tế hoạt động trở lại sang trạng thái bình thường mới. Thị trường cũng đang chờ xem báo cáo tài chính trong Q3 sẽ bị tác động như thế nào do giãn cách xã hội nghiêm ngặt nhất trong lịch sử vừa qua. Tuy nhiên, đến cuối tháng 9, Chỉ thị 16 không còn áp dụng cho cả Hà Nội và TP.HCM, cùng với sự tăng tốc tiêm chủng rộng rãi, người dân được đi lại.

VNIndex và tổng thanh khoản (VND)



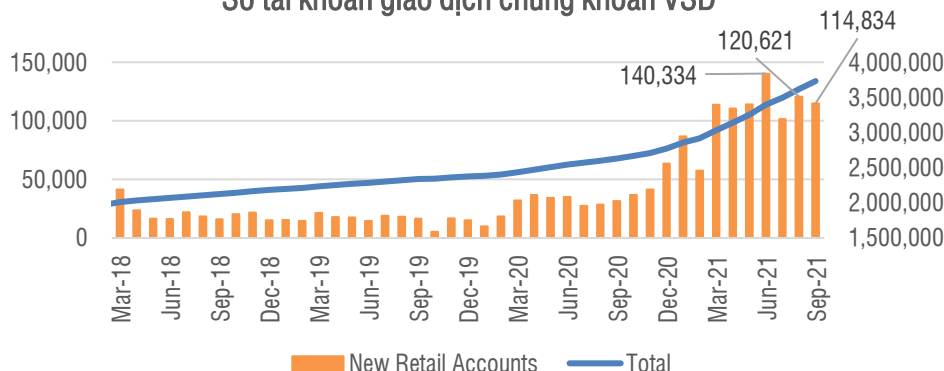
Nguồn: SSI Research, SSIAM

Câu chuyện nới lỏng giãn cách là chủ đề trọng tâm từ giữa tháng 9 – các ngành được hưởng lợi từ việc này đều có kết quả hoạt động tốt: Tiêu dùng (+10,28%), Năng lượng (+6,23%), Công nghiệp (+2,23%), Vật liệu (+2,90%), Dịch vụ Viễn thông (+23,03%) và Công nghệ thông tin (3,12%). Ngành Tài chính cơ bản đi ngang trong tháng 9 (-0,04%) sau khi đã dẫn dắt tăng trưởng chỉ số trong 6 tháng đầu năm, trong khi ngành Bất động sản (-2,80%) và Chăm sóc sức khỏe (-8,28%) đều thấy hoạt động chột lờ, trải qua điều chỉnh ngắn hạn.

Trong tháng 9, khối ngoại bán ròng 8.900 tỷ đồng (~390 triệu đô). Giá trị bán ròng cao nhất đến từ DC Diamond ETF (-45 triệu đô), X-trackers FTSE Việt Nam (-57 triệu đô). Mặt khác, các NĐT Thái Lan tiếp tục tăng khoản đầu tư tại quỹ Principal Vietnam Equity (+35 triệu đô) và K Vietnam Equity (+22 triệu đô).

Các NĐT cá nhân vẫn tích cực tham gia thị trường với 114.834 tài khoản mới được mở tại các công ty chứng khoán trong tháng 9, xu hướng này tiếp tục tăng trưởng theo cấp số nhân mà chúng ta đã quan sát trong thời gian qua. Dữ liệu Fiinpro cho thấy các NĐT cá nhân đã mua ròng tổng 2,88 tỷ đô tính từ đầu năm, chủ yếu thông qua khớp lệnh, con số cao gấp 5 lần so với tổng giá trị của cả năm 2020. Theo số liệu từ Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN), tổng giao dịch ký quỹ cho vay của các công ty chứng khoán đạt 141.304 tỷ đồng (~6,09 tỷ đô) tính đến ngày 13/9, tăng 74,62% so với đầu năm 2021. Điều này chủ yếu do các công ty chứng khoán tăng vốn điều lệ, tiếp cận nguồn tài chính rẻ hơn để hạ thấp lãi suất ký quỹ. Con số này chưa đáng lo ngại khi xem xét thanh khoản và tổng vốn hóa thị trường gần đây, tuy nhiên, các NĐT nên theo dõi chặt chẽ.

Số tài khoản giao dịch chứng khoán VSD



Nguồn: VSD

CẬP NHẬT TỔNG QUAN VĨ MÔ

Tình hình vắc xin và số ca nhiễm:

Tùng là tâm dịch, TP.HCM đã tiêm chủng 100% dân số trên 18 tuổi, trong đó có 70% đã được tiêm 2 mũi tính đến đầu tháng 10. Từ tuần đầu tiên của tháng 10, tổng số ca hàng ngày đã bắt đầu giảm từ đỉnh dịch vào ngày 7/9/2021 (15.000/ngày) xuống 5.000/ngày toàn quốc. Hơn 30% tổng dân số trên toàn quốc đã được tiêm 1 mũi và tốc độ tiêm chủng đang đi đúng hướng với mục tiêu của chính phủ - 1 triệu liều 1 ngày. Việc nhập khẩu vắc xin vẫn tiếp tục tiến triển tốt, củng cố niềm tin rằng Việt Nam có thể đạt mục tiêu tiêm chủng 50% dân số vào cuối năm nay. Nhìn chung, chúng tôi kỳ vọng rằng miễn dịch cộng đồng ở mức tối thiểu 70% dân số sẽ đạt được vào Quý 1 năm 2022, tạo nền tảng vững chắc cho sự phục hồi mạnh mẽ.

Tổng quan vĩ mô:

Các chính sách thắt chặt và biện pháp mạnh mẽ của chính phủ trước chủng Delta đã có tác động nghiêm trọng đến nền kinh tế bắt đầu từ cuối tháng 4. Qua các phân tích nhằm đo lường tác động của chính sách giãn cách xã hội trên toàn thế giới của trường Blavatnik tại Đại học Oxford, kèm theo dữ liệu theo dõi mức độ di chuyển của dân số đến các địa điểm như các hàng hóa tiêu dùng, giải trí, công viên, trạm giao thông công cộng, cơ quan từ chỉ số lưu động Google, kết hợp với phương pháp nghiên cứu của Goldman Sachs đặt nền kinh tế Việt Nam ở mức 70% trong trạng thái giãn cách trong vòng hơn 6 tuần kể từ cuối tháng 7. Mặc dù việc giãn cách vẫn còn nghiêm ngặt vào cuối tháng 9, chúng ta tập trung vào biện pháp sống chung với dịch, bước ngoặt so với mục tiêu 0 ca nhiễm, cùng với tốc độ tiêm phủ vaccine hỗ trợ. Tính đến đầu tháng 10, các biện pháp nới lỏng giãn cách xã hội cuối cùng đã tạo cơ hội cho nền kinh tế hoạt động lại sau vài tháng đầy thử thách. Chúng tôi lạc quan rằng xu hướng này sẽ tiếp tục để nền kinh tế quay lại cường độ hoạt động như cuối tháng 5 trước khi kết thúc Q4.

Chỉ số giãn cách xã hội



Nguồn: Goldman Sachs, Đại Học Oxford, Google

Vì vậy, chỉ số kinh tế vĩ mô trong tháng 9 cho thấy kết quả kém hiệu quả là điều không ngạc nhiên. GDP thực của Việt Nam giảm -6,2% so với cùng kỳ trong Q3, mức giảm đáng kể nhất từ năm 2008. Điều này chủ yếu do hoạt động kém hiệu quả của Doanh thu bán lẻ (-29,9%), Đầu tư công (-31,8%), FDI (-29,5%), Sản xuất công nghiệp IIP (-31,8%) và Xuất khẩu (-0,6%). Khi xét số liệu sản lượng theo ngành, dịch vụ chiếm đến 70% mức giảm so với cùng kỳ năm trước (-9,3% trong Q3 so với +4,2% trong Q2), theo sau là sản lượng Công nghiệp (-3,5% so với cùng kỳ năm trước) và hoạt động xây dựng (-11,4% so với cùng kỳ năm trước). Sự sụt giảm mạnh mẽ là do so sánh với cơ sở cao hơn vào năm 2020 – tuy nhiên, chúng tôi cho rằng những khó khăn trong kinh tế vĩ mô hầu như đã được dự báo và đưa vào định giá dựa trên lịch sử biến động giá của thị trường.

Chúng tôi muốn chỉ ra những dấu hiệu tích cực mà sẽ tạo nền tảng cho đà tăng trưởng trong Q4 và năm 2022:

Thứ nhất, hoạt động công nghiệp đang được bình thường hóa nhanh chóng – các nhà máy ở miền Bắc đã tăng công suất từ giữa tháng 9 và chúng tôi kỳ vọng các nhà máy ở miền Nam sẽ tăng công suất trở lại ở mức 60-70% vào giữa tháng 10, và ở mức 90% vào cuối tháng 10 (từ mức 30-40% vào cuối tháng 9).

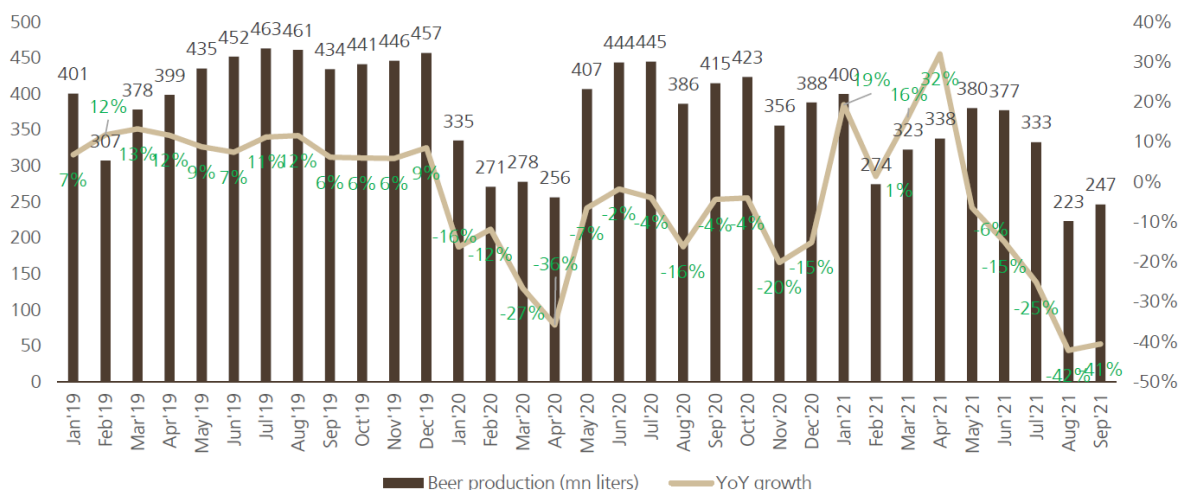
CẬP NHẬT TỔNG QUAN VĨ MÔ

Trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu tăng trưởng mạnh mẽ cùng với sự phục hồi của nền kinh tế tại các nước phát triển sau tiêm chủng diện rộng, việc chạy đua các đơn hàng xuất khẩu cho nhu cầu mùa giáng sinh và năm mới, cùng với sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu trước đó, chúng tôi cho rằng vốn FDI mới đăng ký (+87% so cùng kỳ năm trước, +339% trong tháng 8) tạo nền tảng vững chắc cho sự phục hồi của Sản xuất Công nghiệp và Xuất khẩu. Như đã đề cập trong báo cáo tháng trước, chúng tôi cho rằng Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Mặc dù một số đơn hàng trong thời gian vừa qua bị chuyển sang các quốc gia ít bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh hơn, nhưng chúng tôi nhận thấy rằng nhu cầu thương mại vẫn sẽ ổn định từ các nền kinh tế phát triển trong tương lai. Khi trò chuyện với các nhà sản xuất và nhà xuất khẩu toàn quốc, đơn hàng vẫn được đặt đến Q3/22. Điều này được thể hiện rõ trong sự tăng trưởng của sản xuất điện thoại di động, tăng 101% so với cùng kỳ năm trước (-2,5% trong tháng 8) khi các nhà máy như Samsung hoạt động lại tại Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hải Phòng – những trung tâm sản xuất chính của Samsung cho các sản phẩm chất lượng cao toàn cầu. Đối với mặt hàng quần áo thể thao và hàng may mặc, từ cuộc họp KQKD của Nike, chúng tôi thấy rằng hoạt động tăng lưu lượng tồn kho sẽ tiếp tục kéo dài trong năm 2022 do cầu tiếp tục vượt nguồn cung toàn thế giới, điều này báo hiệu tốt cho các trung tâm OEM như Việt Nam để bù đắp những khoản thâm hụt trong sản xuất.

Thứ hai, các hoạt động dịch vụ và xây dựng sẽ nhanh chóng phục hồi trong Q4 do biện pháp nới lỏng và tiêm chủng diện rộng. Trong Q3, sản lượng dịch vụ giảm 8% so với khoảng thời gian trước dịch, chủ yếu do các yếu tố bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch như mặt bằng thuê, quản trị kinh doanh và giao thông vận tải đều sụt giảm. Chúng tôi thấy xu hướng này sẽ đảo chiều khi người dân di chuyển lại và nhu cầu nội địa được cải thiện. Q4 có thể chứng kiến du lịch nội địa gia tăng (80% trong số nhu cầu khách sạn trước Covid), được hỗ trợ bởi việc nới lỏng chuyến bay nội địa và kế hoạch của chính phủ cho phép mở lại một số địa điểm du lịch như đảo Phú Quốc vào tháng 10/11.

Thứ ba, dữ liệu tháng 9 khả quan hơn so với tháng 8 nhờ việc nới lỏng giãn cách xã hội, một dấu hiệu tích cực về sự phục hồi trong Q4 khi việc tiêm chủng diện rộng và người dân được đi lại thúc đẩy nền kinh tế. Sản lượng bia trong tháng 9 lên đến 247 triệu lít, +10% so với tháng trước và dự kiến sẽ tăng thêm cho đến thời điểm Tết Nguyên Đán, nhu cầu dự kiến sẽ phục hồi trở lại như mức trước dịch vào Q2/2022. Tính trên số liệu tháng tháng, doanh số bán lẻ cải thiện 8,5% trong tháng 9 (không bao gồm yếu tố mùa) và xuất khẩu ghi nhận mức tăng mạnh mẽ sau khi đã sụt giảm 5,4% trong tháng 8, chủ yếu từ xuất khẩu gạo, cà phê, thiết bị điện tử và thép. Tăng trưởng nhập khẩu giảm xuống mức 9,5% yoy, đưa mức cán cân thương mại thặng dư lên đến 0,5 tỷ đô trong tháng 9, con số thặng dư đầu tiên kể từ tháng 3/2021.

Figure 1: Vietnam's monthly beer production data

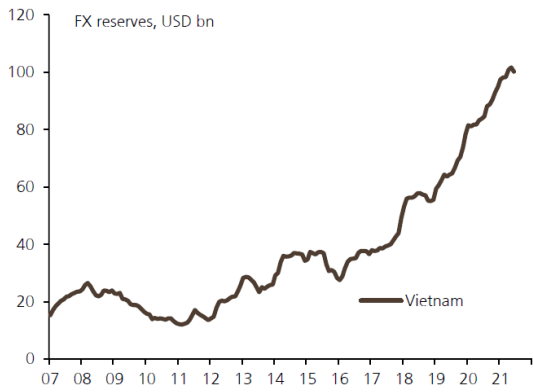


Source : General Statistics Office of Vietnam, UBS estimates

Nguồn: UBS Investment Research

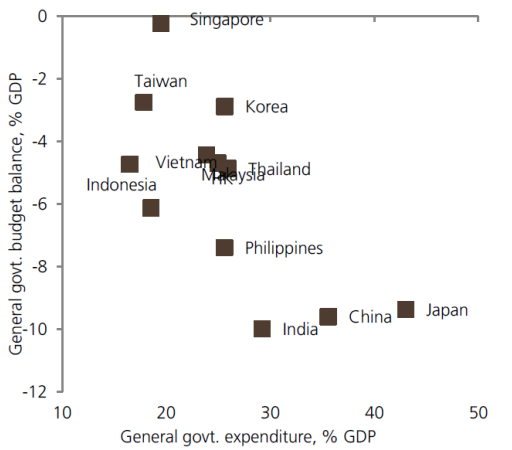
Thặng dư thương mại đã giảm thiểu rủi ro chính sách tăng trưởng tín dụng của NHNN và củng cố việc chính phủ Việt Nam thực hiện chính sách tiền tệ & tài khóa mở rộng từ tháng 9, ví dụ giảm phí điện và thuế, trợ cấp tổng 30,000 tỷ đồng cho những người lao động thất nghiệp và các doanh nghiệp quy mô nhỏ đang gặp khó khăn. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam tích lũy hơn 100 tỷ đô trong những năm qua, giảm bớt các lo ngại về ngân sách khi thâm hụt mục tiêu ở mức 4% GDP năm 2021 (nhỉnh hơn một chút so với mức 3,2% vào năm 2020). Điều này, cùng với lạm phát ổn định ở mức 2,1% trong tháng 9 (vẫn ở mức thấp như chúng tôi đã ghi nhận tháng trước) sẽ không gây cản trở những nỗ lực gia tăng thanh khoản vào nền kinh tế. Bảng cân kế toán của chính phủ Việt Nam nhìn chung vẫn tương đối vững chắc so với các quốc gia khác với trung bình tỷ lệ nợ chính phủ trên GDP và chỉ tiêu tài khóa.

CẬP NHẬT TỔNG QUAN VÍ MÔ



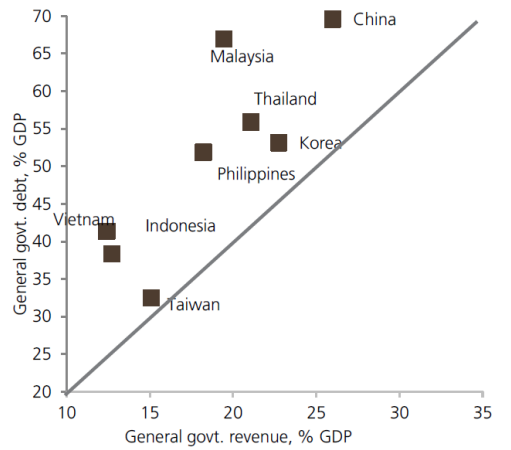
Source : CEIC and UBS calculations

Figure 174: Govt fiscal balances and spending



Source : IMF Estimates for 2021, Haver

Figure 175: Govt revenue and debt



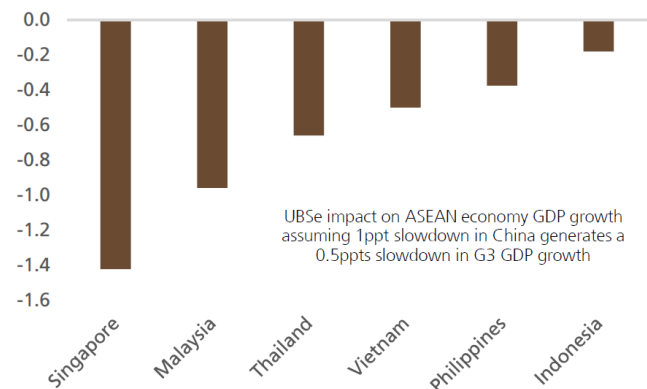
Source : IMF Estimates for 2021, Haver

Nguồn: UBS Investment Research

Nhìn về phía trước, chúng tôi có ít lý do để không tin vào sự phục hồi mạnh mẽ trong Q4 và từ năm 2022 trở đi. Dự báo mới nhất từ Goldman Sachs vào ngày 30/09/21 đưa mức tăng trưởng GDP thực của Việt Nam tại 3,2%, tiếp tục tăng 8,5% trong 2022, bất chấp sự điều chỉnh tăng do đã trong Q4 và nhu cầu bị dồn nén. Tương tự, Bank of America dự báo 2,2% cho năm 2021 và 7,2% cho năm 2022.

Với những lý do đã đề cập ở trên, chúng tôi tin rằng rủi ro đang được đề cập tới như nền kinh tế không mở cửa lại nhanh chóng, cú sốc bên ngoài như giá hàng hóa toàn cầu tăng, hay tác động từ sự tăng trưởng chậm của Trung Quốc do lĩnh vực bất động sản gặp khó khăn là tương đối thấp. Chỉ có khoảng 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc, và trong vài năm qua, nền kinh tế mở cửa của Việt Nam đã tạo điều kiện cho xuất khẩu đa dạng hơn tới Hoa Kỳ và EU, cả hai vùng đều đang phục hồi mạnh mẽ. Trong ASEAN, Việt Nam nằm trong số quốc gia bị ảnh hưởng ít nhất bởi tốc độ tăng trưởng chậm lại của Trung Quốc do có sự tham gia sâu rộng trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Figure 3: Estimated impact of 1ppt slower Chinese real GDP growth scenario



Source : UBS Estimates

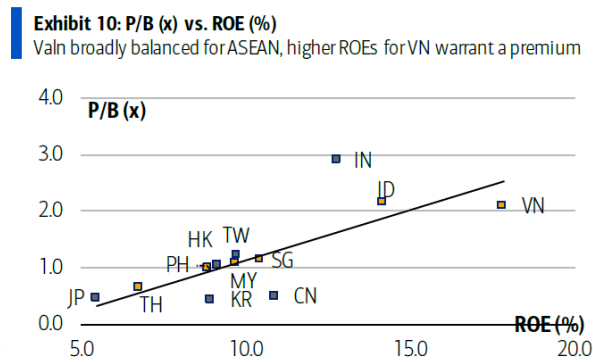
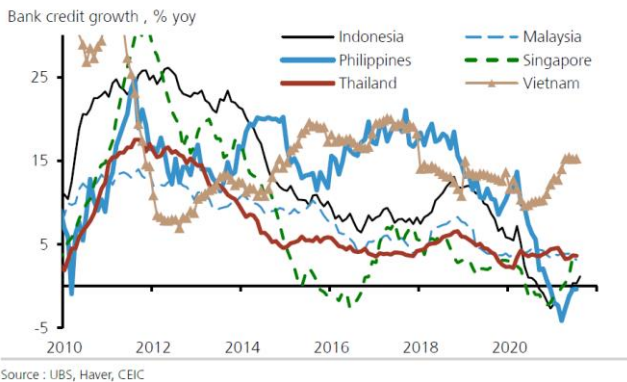
Nguồn: UBS Investment Research

CẬP NHẬT NGÀNH TÀI CHÍNH – BẢN GIAO HƯỞNG THỨ 2

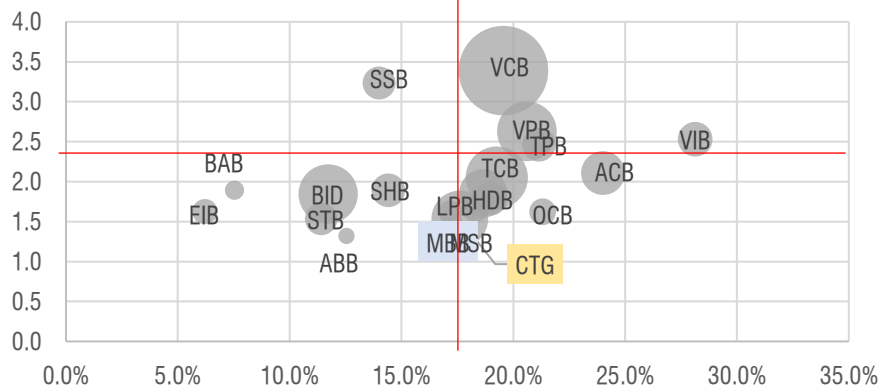
Nếu nền kinh tế là một dàn hợp xướng, thì các ngân hàng và tổ chức tài chính sẽ là nhạc trưởng quản lý dòng vốn để tạo ra một bản giao hưởng – nếu như không có những định chế phân bổ tài sản này, khán giả sẽ chỉ nghe thấy một mớ âm thanh hỗn loạn.

Trong bối cảnh đó, các ngân hàng Việt Nam đã và đang làm nhiệm vụ giữ nhịp điệu rất tốt. Bất chấp môi trường kinh tế đầy thách thức trong tháng 9, ngành tài chính vẫn giữ hiệu quả tốt (-0,03%) sau 2 tháng đầy khó khăn khi trước đó khi đã điều chỉnh -11,81% trong quý. Tăng trưởng từ đầu năm duy trì sự ổn định ở mức 27,50%, đóng góp 9,17 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng 22,65% của VN-Index tính từ đầu năm. Tính đến cuối tháng 9, lợi nhuận trong 1 năm đạt 60,98%, đóng góp 19,98 điểm phần trăm vào tổng mức 50,41% của VN-Index trong 1 năm qua.

Với các chính sách và thanh khoản được hỗ trợ bởi NHNN, việc tăng trưởng tín dụng của Việt Nam là ngoại lệ trong số các quốc gia ở khu vực nhằm hỗ trợ các lĩnh vực tăng trưởng nhanh của nền kinh tế. Kết quả là các ngân hàng của Việt Nam liên tục tăng trưởng với tốc độ cao hơn so với các ngân hàng trong khu vực cũng như các ngân hàng mới nổi / cận biên - giá giao dịch ở mức gấp đôi P/B là hợp lý khi chỉ số ROE lớn hơn 20% đối với những ngân hàng dẫn đầu thị trường.



ROE - PB - Vốn hóa thị trường của ngân hàng Việt Nam



Trong ngắn hạn, các yếu tố cơ bản thúc đẩy tăng trưởng của các ngân hàng nói riêng và ngành tài chính nói chung phù hợp với câu chuyện nền kinh tế mở cửa trở lại và phục hồi – chúng tôi nhận thấy các yếu tố thuận lợi trong ngành bán lẻ và chi tiêu của người tiêu dùng, nhu cầu gia tăng và tâm lý doanh nghiệp tổng thể, PMI, sản xuất, xuất khẩu, giải ngân vốn FDI và vốn FDI đăng ký mới.

Thách thức với ngành ngân hàng luôn nằm ở việc tận dụng đà tăng trưởng kinh tế trong khi vẫn kiểm soát chặt chẽ việc quản lý rủi ro và duy trì chất lượng tài sản trên bảng cân đối kế toán. Điều quan trọng cần lưu ý là lợi nhuận hoạt động kinh doanh trước khi trích lập dự phòng của các ngân hàng Việt Nam nằm trong số cao nhất trong khu vực, tạo bước đệm vững chắc để vượt qua những khó khăn. Tuy nhiên, các NĐT chỉ nên theo dõi tỷ lệ dự trữ và ADA một cách chặt chẽ, cũng như xem xét tình hình bảng cân đối kế toán và chênh lệch tỷ lệ NIM, do việc gia hạn các khoản vay trong Thông Tư 14/2021/TT-NHNN có thể ảnh hưởng lên đến 12% tổng nợ trên toàn hệ thống.

CẬP NHẬT NGÀNH TÀI CHÍNH – BẢN GIAO HƯỞNG THỨ 2

Tuy nhiên, các yếu tố thúc đẩy NIM đã ổn định: NHNN giữ lãi suất chiết khấu ổn định ở mức 2,5% kể từ tháng 10/2020 trong khi lãi suất liên ngân hàng ổn định trên mặt diện rộng, cùng với sự áp đặt điều tiết lên hạn mức cho vay tín dụng. Triển vọng lạm phát nhìn chung là không thay đổi và ở dưới mức mục tiêu, chúng tôi chưa thấy lý do gì để đánh giá môi trường tín dụng đang xấu đi một cách đáng kể, ít nhất là cho đến khoảng thời gian nửa năm đầu của năm 2022.

Exhibit 1: Loan growth YoY% (BofA coverage)
We expect a stronger growth recovery for SG – high-single digit growth

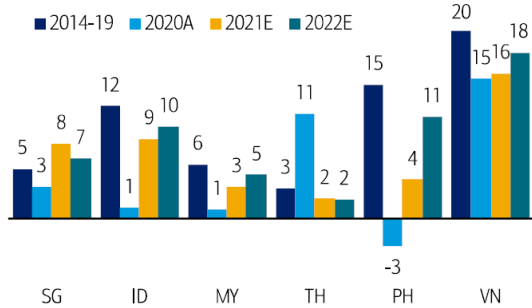
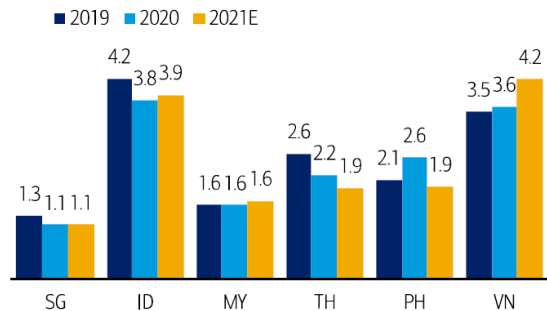


Exhibit 7: PPOP/avg. assets (%) – by country (BofA coverage)
Indo and Vietnam banks offer strong PPOP buffers with ~4% PPOP ROA



Nguồn: BofA Investment Research

Cho bản giao hưởng thứ hai của ngành tài chính trong Q4 và bước sang 6 tháng đầu năm 2022, chúng tôi kỳ vọng tín dụng sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, thanh khoản thị trường vẫn gia tăng và những bất ngờ tích cực khác về sự phục hồi của nền kinh tế vĩ mô. Nhìn xa hơn về vào năm 2023/24, việc Việt Nam được nâng hạng lên thị trường mới nổi sẽ thúc đẩy hoạt động của ngành về sự tăng trưởng cơ bản và định giá tài chính một cách đáng kể. Rủi ro chính bao gồm sự suy thoái vĩ mô do những yếu tố không thể lường trước, dòng vốn FDI sụt giảm, xuất khẩu chậm hơn và thắt chặt quy định trong một môi trường tín dụng tồi tệ hơn dự kiến – tất cả những điều này dường như còn khá xa vời theo quan điểm của chúng tôi.

HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Thông kê tháng 9:

- Chỉ số VNFIN LEAD giảm 0,12%, giảm mức lợi nhuận từ đầu năm xuống mức 47,74%.
- Trong cùng kỳ, quỹ SSIAM VNFIN LEAD ETF ghi nhận mức giảm 0,17% với mức lợi nhuận từ đầu năm là 46,27%.
- Quỹ đã đăng ký thêm 29 đơn vị quỹ (tương đương 2,9 triệu chứng chỉ quỹ ETF). Giá trị tài sản ròng tăng 53,3 tỷ đồng (2,3 triệu đô) lên đến 2,61 nghìn tỷ đồng (113,6 triệu đô).
- Thanh khoản tại thị trường thứ cấp âm ảm – quỹ đã giao dịch 1,44 triệu CCQ, trung bình 71.955/phiên, giảm 56% so với tháng trước.

Các chỉ số nổi bật trong tháng 9:

| | Trailing P/E | Forward P/E | P/B | Tỷ suất lợi tức (%) | ROE | Beta vs. VNI | 1y Sharpe |
|------------|--------------|-------------|------|---------------------|--------|--------------|-----------|
| VNI | 16.3x | 12.8x | 2.6x | 1.31% | 16.06% | 1.00 | 2.59 |
| VN 30 | 14.7x | 11.7x | 2.9x | 0.75% | 20.54% | 1.02 | 3.40 |
| VN 50 | 15.1x | 11.7x | 2.8x | 0.79% | 19.12% | 1.02 | 3.39 |
| VNFin Lead | 11.2x | 8.9x | 2.1x | 0.20% | 18.82% | 1.32 | 3.05 |

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ (% NAV)

| STT | Mã | Tên công ty | Tỷ trọng (%) | Vốn hóa (USD tr) | FOL | ROA (%) | ROE (%) | YTD 2021 (%) | P/E 2020 | P/E 2021F | P/E 2022F |
|-----|-----|--|--------------|------------------|------|---------|---------|--------------|----------|-----------|-----------|
| 1 | VPB | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng | 15,99% | 7.150,67 | 15% | 22,6 | 2,9 | 102,8% | 15,4 | 13,1 | 10,8 |
| 2 | TCB | Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam | 15,04% | 7.650,87 | 22% | 21,0 | 3,6 | 57,46% | 14,4 | 10,5 | 9,0 |
| 3 | MBB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội | 14,41% | 4.623,09 | 23% | 20,1 | 2,1 | 21,1% | 9,3 | 9,9 | 8,1 |
| 4 | ACB | Ngân hàng TMCP Á Châu | 13,74% | 3.745,29 | 30% | 26,4 | 2,2 | 12,3% | 8,9 | 9,0 | 7,7 |
| 5 | STB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín | 13,24% | 2.128,64 | 30% | 11,8 | 0,7 | 52,1% | 20,6 | 14,5 | 9,7 |
| 6 | CTG | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam | 5,25% | 6.418,65 | 30% | 18,5 | 1,2 | -12,0% | 8,3 | 8,4 | 7,0 |
| 7 | SSI | Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn | 4,46% | 1.755,16 | 67% | 16,5 | 4,9 | 0,23 | 20,7 | 17,6 | 16,8 |
| 8 | VCB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam | 3,20% | 15.838,62 | 30% | 20,6 | 1,6 | -0,7% | 21,7 | 15,6 | 13,0 |
| 9 | LPB | Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt | 2,94% | 1.144,84 | 5% | 18,2 | 1,1 | 74,6% | 12,5 | 9,8 | 5,8 |
| 10 | MSB | Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam | 2,34% | 1.512,57 | 30% | 20,9 | 2,1 | 55,9% | 15,7 | 11,2 | 8,8 |
| 11 | HDB | Ngân hàng Phát triển TPHCM | 2,29% | 2.223,19 | 17% | 20,5 | 1,7 | 6,9% | 9,5 | 7,8 | 7,1 |
| 12 | TPB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong | 1,51% | 2.141,45 | 27% | 24,4 | 2,0 | 55,2% | 12,2 | 10,2 | 8,8 |
| 13 | SSB | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á | 1,36% | 2.114,50 | 5% | 15,3 | 1,2 | - | 29,4 | 28,9 | 24,0 |
| 14 | OCB | Ngân hàng TMCP Phương Đông | 1,18% | 1.438,43 | 18% | 23,3 | 2,7 | - | 6,0 | 7,4 | 6,2 |
| 15 | VIB | Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam | 0,89% | 2.412,18 | 20% | 31,6 | 2,4 | 9,1% | 8,6 | 8,9 | 7,3 |
| 16 | VCI | CTCP Chứng khoán Bản Việt | 0,58% | 870,50 | 100% | 24,5 | 12,7 | 2,2% | 12,7 | 19,8 | 18,9 |
| 17 | EIB | Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam | 0,44% | 1.274,75 | 30% | 6,3 | 0,7 | 22,6% | 27,1 | 28,2 | 24,2 |
| 18 | BID | Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 0,38% | 6.971,07 | 30% | 12,3 | 0,6 | -17,6% | 27,3 | 14,7 | 13,4 |
| 19 | BVH | Tập đoàn Bảo Việt | 0,29% | 1.904,65 | 49% | 8,6 | 1,2 | -11,5% | 28,9 | 24,7 | 20,7 |

THÔNG TIN LIÊN HỆ

SSI ASSET MANAGEMENT CO LTD

Business Development – Director

Mr. Ho Minh Tri (+84) 28 3824 2897 ext 1628 or (+84) 90 888 9669 trihm@ssi.com.vn

Portfolio Manager

Mr Nguyen Ba Huy Tel: (+84) 4 3936 6321 ext: 1605 huyvb2@ssi.com.vn

SSI SECURITIES CORPORATION (SSI)

Managing Director, Institutional Brokerage

Mr. Nguyen Anh Duc (+84) 979 585658 ducna1@ssi.com.vn

MIRAE ASSET SECURITIES (VIET NAM) LIMITED LIABILITY COMPANY (MAS)

Sales Manager

Mr. Dinh Quang Thien (+84) 90 2474538 thien.dq@miraeasset.com.vn

BIDV SECURITIES JOINT STOCK COMPANY (BSC)

Head of Structured Products

Mr. Vu Giang Son (+84) 91 668 1202 sonvg@bsc.com.vn

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi về thông tin nhà đầu trong Phần A của Hồ Sơ Nhà Đầu Tư đã gửi SSIAM, kính đề nghị Quý Nhà Đầu Tư cập nhật cho chúng tôi trong thời gian sớm nhất.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quý trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quý có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.



AsianInvestor

“Asset Management Company of the Year – Vietnam” in 2012, 2014, 2021
“Fund Management Company of the Year (Onshore)” in 2015, 2016, 2017, 2018
“Best ETF Provider – Vietnam” in 2021

“Best Vietnam onshore Fund House” in 2010
“Best Asset Management Company in Vietnam” in 2015, 2016, 2017,
2018